

**PHỤ LỤC 1B: DANH MỤC VẬT TƯ THIẾT BỊ, PHỤ KIỆN THANH LÝ ĐỢT 2/2025 KHÔNG THUỘC CHẤT THẢI
NGUY HẠI_Cơ sở 2**

Stt	Mã vật tư	Tên quy cách VTTB	ĐVT	Chất lượng trên MMIS/ERP	Số lượng
I	Kho Văn phòng Công ty Cơ sở 2				
01	2.42.01.000.VIE.00.D10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng đề nghị thanh lý	212,10
02	2.71.00.000.000.00.D10	Nhôm phế liệu các loại	Kg	Hàng đề nghị thanh lý	181,00
03	3.02.20.054.VIE.00.D10	Gốc trụ BTLT 5,5M	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	12,00
04	3.02.20.119.000.00.D10	Trụ BTLT 12m (phần ngon)	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	12,00
05	3.02.50.833.VIE.00.D10	Bộ xà làm thanh chéo trụ Pi	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	6,00
06	3.06.40.444.VIE.00.D10	Bộ xà néo dây dẫn trụ Pi	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	6,00
07	3.06.40.445.VIE.00.D10	Bộ xà néo DCS trụ Pi	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	6,00
08	3.06.50.199.VIE.00.D10	Colier bắt xà dây dẫn, C1 và xà chống sét	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
09	3.06.50.211.VIE.00.D10	Cổ dê ĐK 210	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
10	3.06.50.423.VIE.00.D10	Cổ dê ĐK 259	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
11	3.06.50.424.VIE.00.D10	Cổ dê ĐK 272	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
12	3.06.51.223.VIE.00.D10	Cổ dê ĐK 223	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
13	3.06.60.390.000.00.D10	Giá đỡ giàn accu	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
14	3.20.17.002.VIE.00.D10	Thanh cái đồng các loại	Kg	Hàng đề nghị thanh lý	9,00
15	3.20.32.071.VIE.00.D10	Kẹp Ubolt AC 70	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1.049,00
16	3.20.45.169.000.00.D10	Vòng treo đầu tròn	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2.513,00
17	3.20.45.178.000.00.D10	Mắc nối điều chỉnh (Sag link)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	159,00
18	3.20.50.001.000.00.D10	GU DÔNG U	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1.168,00
19	3.20.50.955.000.00.D10	Móc treo chữ U	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	261,00
20	3.20.50.955.VIE.00.D10	Móc treo chữ U	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	264,00
21	3.20.50.959.000.00.D10	Vòng treo đầu tròn 120kN	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	222,00
22	3.20.60.160.VIE.00.D10	Khóa néo dây AC 150-240mm2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	27,00
23	3.20.60.187.000.00.D10	Khóa đỡ dây 185mm	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1.567,00

24	3.20.60.410.000.00.D10	Khóa đỡ dây AC410 mm2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	417,00
25	3.20.60.797.VIE.00.D10	KHÓA ĐỠ DÂY	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	729,00
26	3.20.61.185.000.00.D10	KHÓA NÉO DÂY AC 185 MM2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	120,00
27	3.20.65.000.000.00.D10	Mắc nối trung gian	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	768,00
28	3.20.65.140.000.00.D10	Khánh tam giác đơn L=200 70kN	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	822,00
29	3.20.65.143.000.00.D10	Khánh vuông đơn L=200 70kN	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	120,00
30	3.20.65.950.VIE.00.D10	Mắc nối đơn	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2.208,00
31	3.20.65.951.VIE.00.D10	Mắc nối kép	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	546,00
32	3.20.65.963.000.00.D10	Mắc nối chuyển hướng	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	870,00
33	3.30.22.100.VIE.00.D10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	85,00
34	3.30.22.101.VIE.00.D10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV 100A Polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	52,00
35	3.30.85.206.VIE.00.D10	LB FCO 15/27kV 200A Porcelain	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
36	3.30.88.100.VIE.00.D10	Cầu chì tự rơi cắt tải (LBFCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	5,00
37	3.30.88.101.VIE.00.D10	LBFCO 15/27kV 100A polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	14,00
38	3.30.88.203.VIE.00.D10	Cầu chì tự rơi (LB FCO) 15/27KV 200A Polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	21,00
39	3.42.80.020.VIE.00.D10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	130,00
40	3.46.09.080.000.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 2 cực 80A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
41	3.46.10.004.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 1A + tiếp điểm phụ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	5,00
42	3.46.10.015.000.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 15A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	12,00
43	3.46.10.020.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 20A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	12,00
44	3.46.10.030.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 30A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	19,00
45	3.46.10.040.000.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 40A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	5,00
46	3.46.10.050.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 50A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
47	3.46.13.225.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 225A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	9,00
48	3.46.15.075.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 75A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	9,00
49	3.46.15.080.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	7,00
50	3.46.15.100.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	10,00

51	3.46.15.125.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	62,00
52	3.46.15.150.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 150A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
53	3.46.15.160.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
54	3.46.15.176.000.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 175A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
55	3.46.15.200.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	12,00
56	3.46.15.250.KOR.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	80,00
57	3.46.15.400.KOR.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	7,00
58	3.46.15.500.KOR.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 500A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
59	3.46.15.630.KOR.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
60	3.46.16.005.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 4 cực 5A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
61	3.46.16.015.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 4 cực 15A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
62	3.46.16.020.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 4 cực 20A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
63	3.46.16.030.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 4 cực 30A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	11,00
64	3.46.16.075.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 4 cực 75A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
65	3.46.16.200.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 4 cực 200A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
66	3.46.95.019.VIE.00.D10	Contactơ 16A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	14,00
67	3.53.05.150.VIE.00.D10	Biến dòng điện (CT) 600V 150/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	8,00
68	3.53.05.322.VIE.00.D10	Biến dòng điện (CT) 600V 1000/5A 15VA CCX 0,5	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
69	3.53.05.325.VIE.00.D10	Biến dòng điện (CT) 600V 100/5A-5VA- CCX 0,5	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	14,00
70	3.53.05.327.VIE.00.D10	Biến dòng điện (CT) 600V 200/5A-5VA- CCX 0,5	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	6,00
71	3.53.05.328.VIE.00.D10	Biến dòng điện (CT) 600V 250/5A-5VA- CCX 0,5	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	114,00
72	3.53.05.331.VIE.00.D10	Biến dòng điện (CT) 600V 500/5A-5VA- CCX 0,5	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
73	3.53.65.015.VIE.00.D10	Biến dòng điện (TI) 24kV 15-30/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	12,00
74	3.53.65.025.VIE.00.D10	Biến dòng điện (TI) 24kV 25-50/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
75	3.53.65.121.VIE.00.D10	Biến dòng điện (TI) 24kV 100-200/5A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
76	3.53.65.143.VIE.00.D10	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	9,00
77	3.53.65.148.VIE.00.D10	Biến dòng điện (TI) 24kV 50-100/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00

78	3.53.65.153.VIE.00.D10	Biến dòng điện (TI) 24KV 200-400/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	6,00
79	3.53.65.560.VIE.00.D10	Biến dòng điện (TI) 24KV 30-60/5A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
80	3.56.60.015.VIE.00.D10	Biến điện áp (TU) 12000/120V 15VA	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	86,00
81	3.56.60.025.VIE.00.D10	Biến điện áp TU 1P 12700/63,5V-15VA epoxy chân không	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	20,00
82	3.56.60.112.VIE.00.D10	Biến điện áp TU 1P 12700/57,5V-15VA epoxy chân không	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
83	3.60.05.617.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-30A 220V	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	12.182,00
84	3.62.94.110.VIE.00.D10	Vỏ tủ điện AC (100x60x40cm)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
85	3.62.94.111.VIE.00.D10	Vỏ tủ điện DC	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
86	3.62.95.042.000.00.D10	Vỏ tủ điều khiển	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
87	3.66.56.001.000.00.D10	Máng đèn 1,2m	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
88	4.94.80.350.VIE.00.D10	Cửa sắt thu hồi	Kg	Hàng đề nghị thanh lý	211,00
89	5.28.20.001.VIE.00.D10	Ma ní	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	252,00
90	8.88.04.082.VIE.00.D10	Dù	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
91	3.20.60.188.CHN.00.B10	Khóa đỡ dây AC 185	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	350,00
92	3.53.05.150.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 150/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,00
93	3.53.05.330.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 400/5A 5VA CCX 0.5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00
94	3.53.05.331.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 500/5A 5VA CCX 0.5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
95	3.53.05.332.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 600/5A 5VA CCX 0.5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00
96	3.20.05.992.000.00.F00	Ống nối ép E 280	Cái	Hàng dư thừa có thể sử dụng được	12,00
97	3.20.05.993.000.00.F00	Ống nối ép E 285	Cái	Hàng dư thừa có thể sử dụng được	11,00
98	3.20.05.995.000.00.F00	Ống nối ép AL-KL240-72214	Cái	Hàng dư thừa có thể sử dụng được	25,00
99	3.20.12.033.000.00.F00	TAP CON WR 949 900-600MC	Cái	Hàng dư thừa có thể sử dụng được	3,00
100	3.20.22.145.000.00.F00	Hot Line 150-74 AM 86	Cái	Hàng dư thừa có thể sử dụng được	10,00
101	3.20.33.011.000.00.F00	Kẹp đồng cỡ 11 mm ²	Cái	Hàng dư thừa có thể sử dụng được	10,00
102	3.20.60.797.000.00.F00	KHÓA ĐỠ DÂY	Cái	Hàng dư thừa có thể sử dụng được	20,00
103	4.82.38.795.000.00.F00	Ti khóa néo ĐK 11mm-YTW48RE	Cái	Hàng dư thừa có thể sử dụng được	10,00
104	5.20.00.190.000.00.F00	Bộ làm mát cho xe chuyên dụng	Bộ	Hàng dư thừa có thể sử dụng được	1,00

II	Đội Quản lý điện Đồng Phú				
01	3.06.20.673.VIE.00.D10	Đà L75x75x8 -800mm 1 ốp	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	6,00
02	3.06.60.901.VIE.00.D10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
03	3.06.60.903.VIE.00.D10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	6,00
04	3.20.55.756.VIE.00.D10	Giáp niu dừng dây ACXH 240mm2	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	27,00
05	3.30.22.100.VIE.00.D10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	9,00
06	3.30.88.100.VIE.00.D10	Cầu chì tự rơi cắt tải (LBFCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
07	3.46.05.040.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 40A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	267,00
08	3.46.14.175.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 175A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
09	3.46.15.125.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
10	3.46.15.150.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 150A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
11	3.62.95.002.VIE.00.D10	Thùng điện kế trạm giàn 2 ngăn ngang	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
12	4.94.70.212.VIE.00.D10	Tủ sắt các loại	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
13	3.46.15.100.KOR.00.A80	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	1,00
III	Đội Quản lý điện Đồng Xoài				
01	3.02.20.008.VIE.00.D10	TRỤ BÊ TÔNG VUÔNG 6,5 MÉT	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
02	3.02.20.072.VIE.00.D10	TRỤ BTLT DUL 7,5M 200kgf	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
03	3.02.20.085.VIE.00.D10	Trụ BTLT 8,5m 200 kgf -TĐ	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
04	3.02.50.083.VIE.00.B10	Trụ BTLT 12m - 540kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	160,00
05	3.06.20.673.VIE.00.D10	Đà L75x75x8 -800mm 1 ốp	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	11,00
06	3.06.20.733.VIE.00.D10	Đà sắt L75x75x8 -2400MM (4 ốp)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	6,00
07	3.06.20.737.VIE.00.B10	Đà L75x75x8 - 2000MM(2ốp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	50,00
08	3.06.20.737.VIE.00.D10	Đà L75x75x8 - 2000MM(2ốp)	Cây	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
09	3.06.20.783.VIE.00.B10	Đà sắt V75x75x8-800MM (01 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
10	3.06.80.092.VIE.00.B10	Thanh chống đà sắt dẹt 60x6-920MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	160,00
11	3.06.80.092.VIE.00.D10	Thanh chống đà sắt dẹt 60x6-920MM	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	27,00
12	3.06.80.095.VIE.00.D10	Thanh sắt dẹt 60x6-800MM	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00

13	3.06.50.088.VIE.00.D10	Collier bắt thùng tôn f290 và ống nhựa f90	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
14	3.06.60.349.VIE.00.D10	Già chùm treo MBA 3x50KVA	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
15	3.06.60.902.VIE.00.B10	Khung đỡ 2 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
16	3.06.60.902.VIE.00.D10	Khung đỡ 2 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	14,00
17	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	136,00
18	3.06.60.903.VIE.00.D10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	7,00
19	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	25,00
20	3.10.92.212.VIE.00.B10	Chân sứ đỉnh linepost 24kV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
21	3.30.22.101.VIE.00.D10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV 100A Polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	19,00
22	3.30.88.101.VIE.00.D10	LBFCO 15/27kV 100A polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	15,00
23	3.30.88.103.VIE.00.D10	LBFCO 15/27KV 200A POLYMER	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	14,00
24	3.42.10.364.VIE.00.D10	DS 1P 24kV 630A Polymer	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
25	3.42.20.804.000.00.D10	Cầu dao 3 pha 100A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
26	3.42.26.376.VIE.00.D10	LTD 1P 24KV 600A	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
27	3.42.80.020.VIE.00.D10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	14,00
28	3.46.02.100.CHN.00.D10	Máy cắt hạ thế (CB) 1 cực 100A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	5,00
29	3.46.02.125.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (CB) 1 cực 125A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
30	3.46.05.040.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 40A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1.108,00
31	3.46.05.080.CHN.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 80A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	6,00
32	3.46.13.225.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 225A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
33	3.46.15.100.KOR.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	16,00
34	3.46.15.125.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	9,00
35	3.46.15.200.KOR.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	10,00
36	3.46.15.250.KOR.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	19,00
37	3.46.15.400.KOR.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	9,00
38	3.46.15.630.KOR.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	5,00
39	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00

40	3.62.95.003.VIE.00.D10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	18,00
41	3.62.95.026.VIE.00.D10	Thùng điện kế 2 ngăn đứng	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	12,00
42	4.38.00.036.VIE.00.D10	Bu lông 12x150	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	853,00
43	4.38.00.037.VIE.00.B10	Bu lông 12x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	105,00
44	4.38.00.038.VIE.00.D10	Bu lông 12x250	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	181,00
45	4.38.00.063.VIE.00.D10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	6,00
46	4.38.30.002.VIE.00.D10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
IV	Đội Quản lý điện Chơn Thành				
01	3.02.20.008.VIE.00.D10	TRỤ BÊ TÔNG VUÔNG 6,5 MÉT	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	33,00
02	3.02.20.072.VIE.00.D10	TRỤ BTLT DUL 7,5M 200kgf	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	10,00
03	3.02.20.082.VIE.00.D10	TRỤ BTLT DUL 8.5m-200kgf	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
04	3.02.20.103.VIE.00.D10	Trụ BTLT DUL 10,5m - 350kgf	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	47,00
05	3.02.20.125.VIE.00.D10	Trụ BTLT DUL 12m-540kgf	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
06	3.02.20.146.VIE.00.D10	Trụ BTLT DUL 14m-650kgf	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
07	3.02.20.072.VIE.00.B10	TRỤ BTLT DUL 7,5M 200kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
08	3.02.20.103.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL 10,5m - 350kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
09	3.02.20.146.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL 14m-650kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
10	3.02.50.083.VIE.00.B10	Trụ BTLT 12m - 540kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	52,00
11	3.06.20.737.VIE.00.D10	Đà sắt L75x75x8 -2400MM (4 ốp)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
12	3.06.20.739.VIE.00.B10	Đà L75x75x8 - 2400MM(3ốp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
13	3.06.80.092.VIE.00.B10	Thanh chống đà sắt dẹp 60x6-920MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
14	4.38.00.063.VIE.00.D10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	600,00
15	4.38.30.002.VIE.00.D10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
16	4.38.50.008.VIE.00.D10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	117,00
17	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	62,00
18	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	255,00
19	3.06.50.077.VIE.00.D10	Collier bắt ống nhựa (270/2x90)	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	5,00

20	3.06.50.078.VIE.00.D10	Collier bắt ống nhựa (290/2x90)	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	5,00
21	3.06.50.088.VIE.00.D10	Collier bắt thùng tôn f290 và ống nhựa f90	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	94,00
22	3.06.60.725.VIE.00.D10	Giá treo MBA 3x25KVA	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
23	3.06.60.901.VIE.00.D10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
24	3.06.60.902.VIE.00.D10	Khung đỡ 2 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	140,00
25	3.06.60.904.000.00.D10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	9,00
26	3.20.24.002.VIE.00.D10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	66,00
27	3.30.22.000.VIE.00.D10	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	12,00
28	3.30.22.101.VIE.00.D10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV 100A Polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
29	3.30.88.101.VIE.00.D10	LBFCO 15/27kV 100A polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
30	3.30.88.103.VIE.00.D10	LBFCO 15/27KV 200A POLYMER	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
31	3.42.10.364.VIE.00.D10	DS 1P 24kV 630A Polymer	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
32	3.42.26.001.VIE.00.D10	LTD các loại	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
33	3.42.80.020.VIE.00.D10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	24,00
34	3.46.05.040.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 40A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	719,00
35	3.46.05.080.CHN.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 80A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
36	3.46.13.225.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 225A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
37	3.46.15.075.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 75A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
38	3.46.15.125.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	8,00
39	3.46.15.150.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 150A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	6,00
40	3.46.15.400.KOR.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
41	3.62.95.002.VIE.00.D10	Thùng điện kế trạm giàn 2 ngăn ngang	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	11,00
42	3.62.95.003.VIE.00.D10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	37,00
43	3.06.50.077.VIE.00.B10	Collier bắt ống nhựa (270/2x90)	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
44	3.06.50.078.VIE.00.B10	Collier bắt ống nhựa (290/2x90)	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
45	3.06.50.088.VIE.00.B10	Collier bắt thùng tôn f290 và ống nhựa f90	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
46	3.06.60.325.VIE.00.B10	Giá bắt MBT 3x25 kVA	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00

47	3.06.60.349.VIE.00.B10	Giá chùm treo MBA 3x50KVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
48	3.06.60.902.VIE.00.B10	Khung đỡ 2 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	52,00
49	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	34,00
50	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
51	3.20.22.703.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp 5U 120-240	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
52	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	434,00
53	3.20.65.001.VIE.00.B10	Khoen neo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00
54	3.30.22.100.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	105,00
55	3.30.88.100.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi cắt tải (LBFCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
56	3.46.15.200.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
57	3.46.15.250.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
58	3.46.15.250.SWZ.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
59	3.46.15.250.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
60	3.53.12.771.VIE.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
61	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
V	Đội Quản lý điện Hớn Quán				
01	3.02.20.007.VIE.00.D10	TRỤ BÊ TÔNG VUÔNG 7.5m	Cây	Hàng đề nghị thanh lý	29,00
02	3.02.20.103.VIE.00.D10	Trụ BTLT DUL 10,5m - 350kgf	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
03	3.02.20.103.VIE.00.D10	Trụ BTLT DUL 10,5m - 350kgf	Cây	Hàng đề nghị thanh lý	29,00
04	3.02.20.146.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL 14m-650kgf	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00
05	3.02.50.083.VIE.00.B10	Trụ BTLT 12m - 540kgf	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	84,00
06	3.06.20.072.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 - 2000mm (3 ớp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
07	3.06.20.733.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 -2400MM (4 ớp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00
08	3.06.20.737.VIE.00.B10	Đà L75x75x8 - 2000MM(2ớp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
09	3.06.20.739.VIE.00.B10	Đà L75x75x8 - 2400MM(3ớp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00
10	3.06.20.783.VIE.00.B10	Đà sắt V75x75x8-800MM (01 ớp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
11	3.06.30.149.VIE.00.D10	ĐÀ SẮT MẠ KẼM U140X4.9x58x-3000MM (đà tháp)	Cây	Hàng đề nghị thanh lý	1,00

12	3.06.30.680.VIE.00.B10	Đà sắt V75x75x6-600MM (01 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	113,00
13	3.06.30.685.VIE.00.B10	Đà L75x75x6- 2900 1 ốp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
14	3.06.30.686.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x6 -2900MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00
15	3.06.30.688.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 - 1500mm (2 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00
16	3.06.40.095.VIE.00.B10	Thanh chống sắt dẹt 50x5-810mm	Thanh	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	70,00
17	3.06.40.146.VIE.00.B10	Đà U 140x58x4,9 2500mm	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
18	3.06.40.501.VIE.00.B10	Thanh chống L50x5-720MM	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	215,00
19	3.06.40.607.VIE.00.B10	Thanh chống L60x60x6 -2100MM	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00
20	3.06.50.088.VIE.00.B10	Collier bắt thùng tôn f290 và ống nhựa f90	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,00
21	3.06.60.325.VIE.00.B10	Giá bắt MBT 3x25 kVA	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
22	3.10.92.213.VIE.00.D10	Chân sứ đỉnh thẳng 24kV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	24,00
23	3.06.60.902.VIE.00.B10	Khung đỡ 2 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00
24	3.06.60.902.VIE.00.D10	Khung đỡ 2 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	64,00
25	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00
26	3.06.60.903.VIE.00.D10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	52,00
27	3.06.60.904.000.00.D10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	35,00
28	3.10.92.049.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24kV (linepost)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00
29	3.62.95.003.VIE.00.D10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
30	3.62.95.026.VIE.00.B10	Thùng điện kế 2 ngăn đứng	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,00
31	3.62.95.026.VIE.00.D10	Thùng điện kế 2 ngăn đứng	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
32	3.62.95.037.VIE.00.D10	Thùng điện kế 1 pha	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	9,00
33	2.42.01.000.VIE.00.D10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng đề nghị thanh lý	476,00
34	3.30.88.101.VIE.00.D10	LBFCO 15/27kV 100A polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
35	3.30.88.103.VIE.00.D10	LBFCO 15/27KV 200A POLYMER	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	7,00
36	3.42.80.020.VIE.00.D10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	6,00
37	3.46.05.040.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 40A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	126,00
38	3.46.15.125.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	15,00

39	3.46.15.200.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
40	3.46.15.250.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
41	3.02.20.297.VIE.00.B10	Trụ anten cao 25m	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
VI	Đội Quản lý điện Bình Long				
01	3.02.20.103.VIE.00.D10	Trụ BTLT DUL 10,5m - 350kgf	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	14,00
02	3.02.20.125.VIE.00.D10	Trụ BTLT DUL 12m-540kgf	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
03	3.06.20.673.VIE.00.D10	Đà L75x75x8 -800mm 1 ốp	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
04	3.06.20.733.VIE.00.D10	Đà sắt L75x75x8 -2400MM (4 ốp)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
05	3.06.80.092.VIE.00.D10	Thanh chống đà sắt đẹp 60x6-920MM	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	59,00
06	3.06.50.088.VIE.00.D10	Collier bắt thùng tôn f290 và ống nhựa f90	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
07	3.42.10.001.VIE.00.D10	DS các loại	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
08	3.42.80.020.VIE.00.D10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
09	3.46.05.040.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 40A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	7,00
10	3.46.15.100.KOR.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
11	3.46.15.125.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
12	3.46.15.250.KOR.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
13	3.46.15.250.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
14	3.46.15.400.KOR.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
15	3.62.95.003.000.00.D10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
16	4.94.70.212.VIE.00.D10	Tủ sắt các loại	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
VII	Đội Quản lý điện Lộc Ninh				
01	3.02.20.007.VIE.00.D10	TRỤ BÊ TÔNG VUÔNG 7.5m	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	38,00
02	3.02.20.072.VIE.00.D10	TRỤ BTLT DUL 7,5M 200kgf	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	11,00
03	3.06.20.673.VIE.00.D10	Đà L75x75x8 -800mm 1 ốp	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	47,00
04	3.06.20.728.VIE.00.D10	Đà Sắt V 75x75x8-2800MM (khung ốp)	Cây	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
05	3.06.20.733.VIE.00.D10	Đà sắt L75x75x8 -2400MM (4 ốp)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
06	3.06.20.737.VIE.00.D10	Đà L75x75x8 - 2000MM(2ốp)	Cây	Hàng đề nghị thanh lý	10,00

07	3.06.30.170.VIE.00.D10	Đà Sắt Mạ Kẽm U160-3000MM	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
08	3.06.80.092.VIE.00.D10	Thanh chống đà sắt đẹp 60x6-920MM	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	71,00
09	3.06.50.077.VIE.00.D10	Collier bắt ống nhựa (270/2x90)	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	178,00
10	3.06.50.290.VIE.00.D10	Collier phi 290	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	178,00
11	3.06.60.349.VIE.00.D10	Giá chùm treo MBA 3x50KVA	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	10,00
12	3.06.60.725.VIE.00.D10	Giá treo MBA 3x25KVA	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	12,00
13	3.06.60.901.VIE.00.D10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	122,00
14	3.06.60.902.VIE.00.D10	Khung đỡ 2 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	842,00
15	3.06.60.903.VIE.00.D10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	460,00
16	3.06.60.904.000.00.D10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	99,00
17	3.10.92.213.VIE.00.D10	Chân sứ đỉnh thẳng 24kV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	165,00
18	3.10.92.354.VIE.00.D10	Chân sứ đứng	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	114,00
19	3.20.22.141.VIE.00.D10	Hotline 2/0	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	14,00
20	3.20.24.002.VIE.00.D10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	14,00
21	3.46.05.040.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 40A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	444,00
22	3.62.95.002.VIE.00.D10	Thùng điện kế trạm giàn 2 ngăn ngang	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
23	3.62.95.003.VIE.00.D10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	94,00
24	4.38.00.061.VIE.00.D10	Bu lông 16x200	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	856,00
25	4.38.00.063.VIE.00.D10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2.081,00
VIII	Đội Quản lý điện Bù Đóp				
01	3.02.20.008.VIE.00.D10	TRỤ BÊ TÔNG VUÔNG 6,5 MÉT	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
02	3.02.20.072.VIE.00.D10	TRỤ BTLT DUL 7,5M 200kgf	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	8,00
03	3.02.20.103.VIE.00.D10	Trụ BTLT DUL 10,5m - 350kgf	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	10,00
04	3.06.60.725.VIE.00.D10	Giá treo MBA 3x25KVA	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
05	3.06.60.901.VIE.00.D10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	112,00
06	3.06.60.902.VIE.00.D10	Khung đỡ 2 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	100,00
07	3.06.60.903.VIE.00.D10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	198,00

08	3.06.60.904.VIE.00.D10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	42,00
09	3.10.92.354.VIE.00.D10	Chân sứ đứng	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	14,00
10	3.30.22.100.VIE.00.D10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	14,00
11	3.30.88.100.VIE.00.D10	Cầu chì tự rơi cắt tải (LBFCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	16,00
12	3.42.80.020.VIE.00.D10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	13,00
13	3.46.05.040.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 40A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	32,00
14	3.46.14.250.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
15	3.46.15.125.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	12,00
16	3.62.95.002.VIE.00.D10	Thùng điện kế trạm giàn 2 ngăn ngang	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	5,00
17	3.62.95.026.VIE.00.D10	Thùng điện kế 2 ngăn đứng	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	10,00
18	3.62.95.037.VIE.00.D10	Thùng điện kế 1 pha	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	38,00
19	3.02.20.297.VIE.00.B10	Trụ anten cao 25m	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
IX	Đội Quản lý điện Bù Gia Mập				
01	3.02.20.072.VIE.00.D10	TRỤ BTLT DUL 7,5M 200kgf	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
02	3.02.20.103.VIE.00.D10	Trụ BTLT DUL 10,5m - 350kgf	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	10,00
03	3.02.20.125.VIE.00.D10	Trụ BTLT DUL 12m-540kgf	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	25,00
04	3.06.20.673.VIE.00.D10	Đà L75x75x8 -800mm 1 ốp	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
05	3.06.20.733.VIE.00.D10	Đà sắt L75x75x8 -2400MM (4 ốp)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	5,00
06	3.06.20.737.VIE.00.D10	Đà L75x75x8 - 2000MM(2ốp)	Cây	Hàng đề nghị thanh lý	34,00
07	3.06.20.751.VIE.00.D10	Đà sắt 75x75x8-2000MM 3 ốp lệch hoàn toàn	Cây	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
08	3.06.30.149.VIE.00.D10	ĐÀ SẮT MẠ KÊM U140X4.9x58x-3000MM (đà tháp)	Cây	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
09	3.06.40.607.VIE.00.D10	Thanh chống L60x60x6 -2100MM	Cây	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
10	3.06.20.733.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 -2400MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	124,00
11	3.06.20.737.VIE.00.B10	Đà L75x75x8 - 2000MM(2ốp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
12	3.06.20.783.VIE.00.B10	Đà sắt V75x75x8-800MM (01 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
13	3.06.80.092.VIE.00.B10	Thanh chống đà sắt dẹp 60x6-920MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	250,00
14	3.06.50.077.VIE.00.D10	Collier bắt ống nhựa (270/2x90)	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	14,00

15	3.06.60.125.VIE.00.D10	Giá treo MBT 1Px25 kVA	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
16	3.06.60.154.VIE.00.D10	GIÁ T BẮT FCO-LA	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
17	3.06.60.902.VIE.00.D10	Khung đỡ 2 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	150,00
18	3.06.60.903.VIE.00.D10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
19	3.06.60.904.VIE.00.D10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	18,00
20	3.06.80.092.VIE.00.D10	Thanh chống đà sắt dẹp 60x6-920MM	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	76,00
21	3.10.92.212.VIE.00.D10	Chân sứ đỉnh linepost 24kV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	62,00
22	3.10.92.213.VIE.00.D10	Chân sứ đỉnh thẳng 24kV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
23	3.20.24.002.VIE.00.D10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	8,00
24	3.20.75.010.VIE.00.D10	Kẹp chằng 3 Boulon	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	96,00
25	3.30.22.101.VIE.00.D10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV 100A Polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	14,00
26	3.30.88.101.VIE.00.D10	LBFCO 15/27kV 100A polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	5,00
27	3.42.80.020.VIE.00.D10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	15,00
28	3.46.05.040.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 40A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	60,00
29	3.46.09.100.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 2 cực 100A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
30	3.46.15.075.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 75A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
31	3.46.15.100.KOR.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
32	3.46.15.125.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	5,00
33	3.46.15.150.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 150A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
34	3.46.15.250.KOR.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
35	3.46.15.250.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
36	3.62.95.026.VIE.00.D10	Thùng điện kế 2 ngăn đứng	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	24,00
37	3.62.95.037.VIE.00.D10	Thùng điện kế 1 pha	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	6,00
38	3.80.88.372.VIE.00.D10	Yếm thép mạ kẽm	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	16,00
39	4.38.00.063.VIE.00.D10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	80,00
40	4.38.30.002.VIE.00.D10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	16,00
41	3.06.60.150.VIE.00.B10	Giá treo MBT 1Px50 kVA	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00

42	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00
43	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00
44	3.10.92.213.VIE.00.B10	Chân sứ đỉnh thẳng 24kV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	195,00
45	3.10.92.215.VIE.00.B10	Chân sứ đỉnh cong 24kV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	194,00
46	3.30.22.100.MEX.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27kV 100A Porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00
47	3.30.88.100.USA.00.B10	Cầu chì tự rơi cắt tải (LBFCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00
48	3.46.15.125.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
49	3.46.15.150.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 150A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
50	3.53.12.771.VIE.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00
51	3.02.20.500.VIE.00.B10	Trụ Anten cao 50m	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00
X	Đội Quản lý điện Phước Long				
01	3.02.20.007.VIE.00.D10	TRỤ BÊ TÔNG VUÔNG 7.5m	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	52,00
02	3.02.20.072.VIE.00.D10	TRỤ BTLT DUL 7,5M 200kgf	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	12,00
03	3.02.20.085.VIE.00.D10	Trụ BTLT 8,5m 200 kgf - TĐ	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	6,00
04	3.02.20.103.VIE.00.B10	Trụ BTLT 10,5m - 350 kgf	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	5,00
05	3.02.20.125.VIE.00.D10	Trụ BTLT DUL 12m-540kgf	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
06	3.06.80.092.VIE.00.D10	Thanh chống đà sắt dẹt 60x6-920MM	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	98,00
07	3.06.20.613.VIE.00.D10	Đà sắt L63 - 1800mm	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	18,00
08	3.06.20.673.VIE.00.D10	Đà L75x75x8 -800mm 1 ốp	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
09	3.06.20.732.VIE.00.D10	Đà sắt L75-2400MM (3 ốp)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	8,00
10	3.06.20.733.VIE.00.D10	Đà sắt L75x75x8 -2400MM (4 ốp)		Hàng đề nghị thanh lý	4,00
11	3.06.20.851.VIE.00.D10	Thanh chống sắt dẹt 60x6x1400	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	8,00
12	3.06.50.077.VIE.00.D10	Collier bắt ống nhựa (270/2x90)	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	42,00
13	3.06.50.086.VIE.00.D10	Collier bắt thùng tôn f270 và ống nhựa f90	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	12,00
14	3.06.60.084.VIE.00.D10	Giá đỡ tụ bù trung thế	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
15	3.06.60.725.VIE.00.D10	Giá treo MBA 3x25KVA	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	5,00
16	3.06.60.901.VIE.00.D10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	30,00

17	3.06.60.902.VIE.00.D10	Khung đỡ 2 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	57,00
18	3.10.92.212.VIE.00.D10	Chân sứ đỉnh linepost 24kV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	141,00
19	3.10.92.213.VIE.00.D10	Chân sứ đỉnh thẳng 24kV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	107,00
20	3.20.75.010.VIE.00.D10	Kẹp chằng 3 Boulon	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	32,00
21	3.42.10.364.VIE.00.D10	DS 1P 24kV 630A Polymer	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
22	3.46.15.400.KOR.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
23	3.62.95.003.000.00.D10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
24	3.62.95.003.VIE.00.D10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	5,00
25	3.62.95.026.VIE.00.D10	Thùng điện kế 2 ngăn đứng	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00
26	3.62.95.037.VIE.00.D10	Thùng điện kế 1 pha	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
27	4.38.00.061.VIE.00.D10	Bu lông 16x200	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	40,00
28	4.38.00.063.VIE.00.D10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	207,00
29	4.38.30.002.VIE.00.D10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
30	4.94.70.086.VIE.00.D10	Kết sắt nhỏ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
31	3.46.15.125.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
32	4.94.70.212.VIE.00.D10	Tủ sắt các loại	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
33	3.42.34.012.KOR.00.D10	Máy cắt 24kV 1250A (dùng cho tủ hợp bộ ngăn lộ phát tuyến)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	7,00
34	3.30.22.000.VIE.00.D10	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	151,00
35	3.42.80.020.VIE.00.D10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	13,00
36	3.30.22.002.VIE.00.D10	Cầu chì tự rơi (LBFCO) các loại	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	28,00
XI	Đội Quản lý điện Phú Riêng				
01	3.02.20.008.VIE.00.D10	TRỤ BÊ TÔNG VUÔNG 6,5 MÉT	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	10,00
02	3.06.20.733.VIE.00.D10	Đà sắt L75x75x8 -2400MM (4 ớp)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	8,00
03	3.06.20.737.VIE.00.D10	Đà L75x75x8 - 2000MM(2ớp)	Cây	Hàng đề nghị thanh lý	18,00
04	3.06.20.751.VIE.00.D10	Đà sắt 75x75x8-2000MM 3 ớp lệch hoàn toàn	Cây	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
05	3.06.20.783.VIE.00.D10	Đà sắt V75x75x8-800MM (01 ớp)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	16,00
06	3.06.40.607.VIE.00.D10	Thanh chống L60x60x6 -2100MM	Cây	Hàng đề nghị thanh lý	2,00

09	3.06.20.783.VIE.00.D10	Đà sắt V75x75x8-800MM (01 ốp)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	11,00
10	3.06.50.086.VIE.00.D10	Collier bắt thùng tôn f270 và ống nhựa f90	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
11	3.06.60.093.VIE.00.D10	Giá đỡ (FCO, LA, sứ đứng)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
12	3.06.60.349.VIE.00.D10	Giá chùm treo MBA 3x50KVA	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
13	3.06.60.725.VIE.00.D10	Giá treo MBA 3x25KVA	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	2,00
14	3.06.80.092.VIE.00.D10	Thanh chống đà sắt dẹp 60x6-920MM	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	19,00
15	3.06.60.902.VIE.00.B10	Khung đỡ 2 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00
16	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00
17	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00
18	3.20.60.049.VIE.00.B10	Khóa néo ngừng dây ACSR 50-70 mm ² (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00
19	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	34,00
20	3.06.60.902.VIE.00.D10	Khung đỡ 2 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	252,00
21	3.06.60.903.VIE.00.D10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	42,00
22	3.06.60.904.VIE.00.D10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	45,00
23	3.10.92.212.VIE.00.D10	Chân sứ đỉnh linepost 24kV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	9,00
24	3.30.22.100.VIE.00.D10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
25	3.30.88.103.VIE.00.D10	LBFCO 15/27KV 200A POLYMER	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
26	3.42.80.020.VIE.00.D10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
27	3.46.05.040.VIE.00.D10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 40A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	259,00
28	3.46.15.250.KOR.00.D10	Máy cắt hạ thế kiểu vô đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
29	3.62.95.003.VIE.00.D10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	50,00
30	3.62.95.026.VIE.00.D10	Thùng điện kế 2 ngăn đứng	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	16,00
31	3.62.95.037.VIE.00.D10	Thùng điện kế 1 pha	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	17,00
XIII	Trung tâm Thí nghiệm điện				
01	5.19.90.005.VIE.00.000	Van an toàn	Cái	Hàng mới	50,00
XIV	Xí nghiệp lưới điện cao thế Đồng Nai - cơ sở 2				
01	3.06.40.001.VIE.00.D10	Bộ xà đỡ đơn dây pha	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	3,00

02	3.10.88.077.VIE.00.D10	Chuỗi sứ thủy tinh 70KN	Chuỗi	Hàng đề nghị thanh lý	3,00
03	3.20.60.797.VIE.00.D10	KHÓA ĐỔ DÂY	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00
04	5.90.00.255.000.00.D10	Card xử lý trung tâm RTU	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00